

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 50
8. Phụ lục	51

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Transimex hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301874259, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 2220 2888
- Fax : (84-28) 2220 2889

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đại lý giao nhận; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào và Trung Quốc; Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS (tập kết, thu gom hàng lẻ xuất khẩu), kho ICD (địa điểm thông quan nội địa); Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển;
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường bộ;
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường biển;
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường hàng không;
- Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa cho các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm, sứ, hàng mỹ nghệ, sản phẩm cao su, sản phẩm mây tre lá, công nghệ phẩm, dệt da may, hàng trang trí nội thất;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán nông, lâm thủy hải sản, thực phẩm chế biến, nguyên liệu; thực phẩm công nghệ;
- Mua bán hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất có tính độc hại mạnh); nông dược các loại (trừ thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật);
- Cửa hàng bách hóa;
- Mua bán vải sợi;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán xe;
- Cho thuê văn phòng;
- Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Chuyển phát;
- Đại lý du lịch;
- Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nông nghiệp; máy văn phòng; điện máy; phương tiện vận tải; nông ngư cơ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Chinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Masafumi Inoue	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Duy Hiệp	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2016
Ông Nguyễn Chí Đứơc	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2013
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Tuấn Ngọc - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 26 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1157/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326.981.524.923	351.688.879.173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.709.694.570	186.508.589.991
1. Tiền	111		28.709.694.570	52.508.589.991
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	134.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		74.375.220.262	43.766.395.816
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	33.644.141.084	33.683.700.334
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.268.920.822)	(2.917.304.518)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	42.000.000.000	13.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.255.463.243	111.355.353.239
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	93.410.809.896	75.135.968.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.269.379.758	4.109.160.602
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	45.575.273.589	32.110.224.396
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.913.328.500	5.626.887.397
1. Hàng tồn kho	141	V.8	5.913.328.500	5.626.887.397
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.727.818.348	4.431.652.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.727.818.348	4.285.180.263
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	139.021.808
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	7.450.659
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.357.808.521.331	1.340.271.374.396
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.199.509.140	3.469.738.740
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.199.509.140	3.469.738.740
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		288.702.617.759	270.816.635.448
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	271.837.209.054	243.687.656.470
- Nguyên giá	222		520.799.302.303	481.803.133.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(248.962.093.249)	(238.115.477.382)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	14.500.440.807	24.116.355.498
- Nguyên giá	225		18.572.260.142	28.872.721.111
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.071.819.335)	(4.756.365.613)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.364.967.898	3.012.623.480
- Nguyên giá	228		8.490.325.024	8.490.325.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.125.357.126)	(5.477.701.544)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	61.568.068.347	63.323.417.247
- Nguyên giá	231		83.218.487.321	83.218.487.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.650.418.974)	(19.895.070.074)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.807.024.091	741.787.727
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	1.807.024.091	741.787.727
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		990.649.579.788	987.501.006.193
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	530.739.131.151	530.722.416.116
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	455.689.702.605	423.601.866.200
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	4.660.687.781	33.176.723.877
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(439.941.749)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.881.722.206	14.418.789.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	12.881.722.206	14.418.789.041
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.684.790.046.254	1.691.960.253.569

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		683.005.213.972	740.287.585.230
I. Nợ ngắn hạn	310		286.520.695.859	235.597.291.222
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	45.579.921.693	45.886.981.387
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.602.911.287	17.724.885.718
4. Phải trả người lao động	314	V.17	7.388.297.700	7.257.964.627
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	10.207.927.388	21.407.944.327
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	60.350.430.748	51.682.597.149
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	148.927.037.428	86.919.337.057
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	6.079.169.615	4.717.580.957
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		396.484.518.113	504.690.294.008
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	310.809.175	310.809.175
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	396.173.708.938	504.379.484.833
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

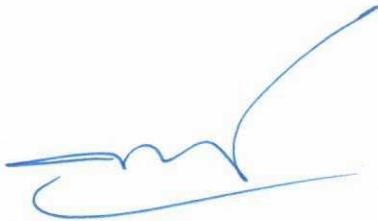
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.001.784.832.282	951.672.668.339
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.001.784.832.282	951.672.668.339
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	475.205.070.000	475.205.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		475.205.070.000	475.205.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	210.148.055.653	210.148.055.653
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(107.189.900)	(107.189.900)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	106.526.820.803	90.816.432.599
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	210.012.075.726	175.610.299.987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		148.430.683.449	175.610.299.987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		61.581.392.277	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.684.790.046.254	1.691.960.253.569

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2019



Phạm Xuân Quang
Người lập



Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

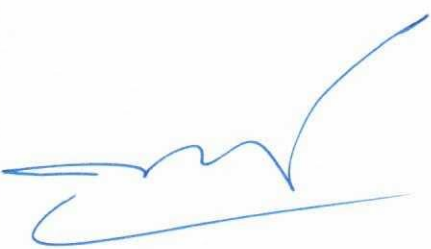
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	266.665.753.943	222.061.311.224
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		266.665.753.943	222.061.311.224
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	207.579.367.812	172.956.347.099
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.086.386.131	49.104.964.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	40.424.033.755	37.289.985.491
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.468.679.245	7.892.076.511
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.230.908.906	14.636.042.076
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	42.373.530	21.900.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.904.881.475	12.424.042.951
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.094.485.636	66.056.929.753
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.218.484.040	1.661.911.575
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.026.894.515	1.365.964.026
13. Lợi nhuận khác	40		1.191.589.525	295.947.549
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.286.075.161	66.352.877.302
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	8.704.682.884	10.626.047.521
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.581.392.277	55.726.829.781
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2019


 Phạm Xuân Quang
 Người lập


 Nguyễn Hồng Kim Chi
 Kế toán trưởng


 Bùi Tuấn Ngọc
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.286.075.161	66.352.877.302
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.13	19.631.487.785	18.399.960.153
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(1.208.441.947)	(8.112.255.316)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	850.000.170
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(41.530.286.042)	(37.429.583.540)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17.230.908.906	14.636.042.076
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.409.743.863	54.697.040.845
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.747.843.558)	(8.265.033.171)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(286.441.103)	(1.179.406.160)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.727.585.891	9.610.712.450
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.094.428.750	3.027.822.552
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		39.559.250	(12.278.665.418)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, V.19, VI.4	(27.911.512.875)	(14.280.026.917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(20.162.099.698)	(8.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(10.031.404.342)	(4.361.598.559)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.867.983.822)	18.970.845.622
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.14, VII	(36.657.579.894)	(13.297.481.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.180.909.091	1.474.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b, V.5	(36.000.000.000)	(17.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	-	38.930.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(32.104.551.440)	(83.543.193.570)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2, VI.3	38.604.560.500	43.012.297.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	21.525.288.168	14.684.273.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.451.373.575)	(16.239.558.242)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	113.798.600.371	377.164.312.163
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(156.525.339.684)	(168.174.108.754)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.20	(3.751.136.211)	(4.544.271.630)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, V.22	(1.662.500)	(4.963.750)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(46.479.538.024)</i>	<i>204.440.968.029</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(94.798.895.421)</i>	<i>207.172.255.409</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>186.508.589.991</i>	<i>65.087.828.198</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	V.1	<i>91.709.694.570</i>	<i>272.260.083.607</i>

Phạm Xuân Quang
Người lập

Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2019
Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kê ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Chuyển phát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải	75,48%	75,48%	75,48%
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân Phối Transimex	Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Vinafreight	A8 Trường Sơn, phường 02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế	53,43%	53,43%	53,43%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Thôn Bưởi, Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	Dịch vụ chuyển phát, sửa chữa máy móc, thiết bị, vận tải hàng hóa.	52,78%	52,78%	52,78%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ logistics	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, Tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	631-633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	35,02%	35,02%	35,02%
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Số 8A, đường Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Dịch vụ và Kinh doanh thương mại	27,25%	27,25%	27,25%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ⁽ⁱ⁾	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Giao nhận vận chuyển và các dịch vụ logistics khác	12,03%	12,03%	12,03% (*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Dịch vụ và Kinh doanh thương mại	24,94%	24,94%	24,94%
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Quốc lộ 1, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh	20,00%	20,00%	20,00%

(i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ít hơn 20% nhưng Công ty Cổ phần Transimex có ảnh hưởng đáng kể thông qua tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết gián tiếp tại Công ty con là Công ty Cổ phần Vinafreight. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 492 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 415 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc thực hiện dịch vụ.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 năm đến 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian theo hợp đồng bảo hiểm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (20 năm).

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bản quyền trang web

Nguyên giá của bản quyền trang web bao gồm chi phí đăng ký sở hữu và thiết lập trang web. Bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 đến 08 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	32
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Hệ thống kỹ	08 - 15

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.716.487.555	5.147.125.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.993.207.015	47.361.464.351
Các khoản tương đương tiền (*)	63.000.000.000	134.000.000.000
Cộng	<u>91.709.694.570</u>	<u>186.508.589.991</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng Công ty Cổ phần Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí (PET)	32.785.104	20.248.800	(12.536.304)	32.785.104	21.384.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TIX)	72.491.297	86.044.000	-	72.491.297	82.971.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	14.012.360.165	24.825.060.000	-	14.012.360.165	16.630.380.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (CLL)	19.526.504.518	18.270.120.000	(1.256.384.518)	19.526.504.518	16.609.200.000	(2.917.304.518)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC)	-	-	-	39.559.250	42.000.000	-
Cộng	<u>33.644.141.084</u>	<u>43.201.472.800</u>	<u>(1.268.920.822)</u>	<u>33.683.700.334</u>	<u>33.385.935.000</u>	<u>(2.917.304.518)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC): giảm do chuyển thành Công ty liên kết.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.917.304.518	2.546.850.530
Hoàn nhập dự phòng	(1.648.383.696)	(1.668.677.945)
Số cuối kỳ	1.268.920.822	878.172.585

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Giá trị hợp lý	Số đầu năm		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con	530.739.131.151	(439.941.749)		530.722.416.116		
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex ⁽ⁱ⁾	41.475.000.000	-	-	41.475.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex ⁽ⁱⁱ⁾	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics ^(iv)	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Vinafreight (VNF) ^(v)	136.681.111.351	-	93.094.456.000	136.664.396.316	-	102.922.585.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ^(vi)	60.583.019.800	(439.941.749)	-	60.583.019.800	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	455.689.702.605			423.601.866.200		
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam ^(vii)	12.525.000.000	-	-	12.525.000.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ^(viii)	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX) ^(ix)	303.280.000.000	-	-303.280.000.000	303.280.000.000	-	318.444.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC) ^(x)	33.673.083.975	-	27.644.434.500	33.181.948.375	-	30.079.039.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) ^(xi)	43.883.169.380	-	49.074.382.000	34.614.917.825	-	32.172.000.000
Công ty Cổ phần Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC) ^(xii)	19.328.449.250	-	14.371.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc ^(xiii)	3.000.000.000	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Giá trị hợp lý	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (xiv)	4.660.687.781	-	-	33.176.723.877	-
Cộng	4.660.687.781	-	5.397.734.250	33.176.723.877	-
	991.089.521.537	(439.941.749)		987.501.006.193	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307821849, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Transimex 54.950.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 41.475.000.000 VND, tương đương 75,48% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309428263, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 5 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex 80.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702120783, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex là 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 12.000.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 38.000.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312967522, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 04 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (v) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinafreight với giá mua là 16.715.035 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.475.695 cổ phiếu, tương đương 53,43% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinafreight (số đầu năm là 4.474.895 cổ phiếu, tương đương 53,42% vốn điều lệ).
- (vi) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 527.780 cổ phiếu, tương đương 52,78% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000240 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam 12.525.000.000 VND (tương đương USD 750,000), tương đương 50% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An 40.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (ix) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 30.328.000 cổ phiếu, tương đương 35,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (x) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 61.300 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC) với giá mua 491.135.600 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.126.035 cổ phiếu, tương đương 27,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải.
- (xi) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 281.740 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) với giá mua 9.268.251.555 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.430.740 cổ phiếu, tương đương 12,03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT).
- (xii) Trong kỳ Công ty đã mua 2.145.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC) với giá mua 19.328.449.250 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 2.145.000 cổ phiếu, tương đương 24,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC).
- (xiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101916351, ngày 04 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần điện Khu công nghiệp Vĩnh Lộc là 6.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 3.000.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 3.000.000.000 VND
- (xiv) Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng 2.786.970 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 455.505 cổ phiếu, tương đương 1,3% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	14.863.246.165
Trích lập dự phòng bổ sung	439.941.749	
Hoàn nhập dự phòng	-	(6.443.577.371)
Số cuối kỳ	439.941.749	8.419.668.794

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex		
Cung cấp dịch vụ	843.901.942	499.031.819
Nhận cung cấp dịch vụ	31.259.424.783	20.744.180.154

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex		
Nhận cung cấp dịch vụ	272.455.352	255.124.409
Lợi nhuận được chia	8.858.336.779	8.488.842.959
Lãi vay	150.833.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex		
Cho thuê kho	2.100.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics		
Góp vốn	-	50.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	96.702.598	35.700.000
Nhận cung cấp dịch vụ	1.210.799.132	3.238.248.000
Mua tài sản cố định	-	5.045.545.455
Cho vay	-	3.500.000.000
Lãi cho vay	-	2.311.333.334
Công ty Cổ phần Vinafreight		
Cung cấp dịch vụ	393.672.729	589.070.455
Nhận cung cấp dịch vụ	287.923.015	196.190.603
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long		
Cung cấp dịch vụ	66.110.000	132.900.000
Cho vay	7.000.000.000	1.000.000.000
Góp vốn	-	33.000.000.000
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.573.369.561	1.058.643.724
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Cung cấp dịch vụ	41.818.182	540.400.001
Nhận cung cấp dịch vụ	271.264.462	147.393.637
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải		
Nhận cung cấp dịch vụ	740.654.395	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng Quyền sở hữu tài sản trên đất tại địa chỉ 172 Hai Bà Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex để đảm bảo cho khoản bán trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

Ngoài ra, Công ty đã cầm cố 30.181.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn và toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai của Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics để đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.344.702.851</i>	<i>845.208.421</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	328.777.500	231.040.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	385.000.000	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	35.475.000	229.226.895
Công ty Cổ phần Vinafreight	183.432.724	179.656.926
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	48.224.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	363.793.627	189.644.600
Công ty TNHH Vận Tải Container Hải An	-	15.640.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>92.066.107.045</i>	<i>74.290.759.820</i>
Công ty TNHH Logistics Shibushawa	9.443.216.287	12.957.974.143
Maersk Line A/S	4.432.215.049	8.722.188.541
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế	7.615.855.000	691.960.000
Các khách hàng khác	70.574.820.709	51.918.637.136
Cộng	<u>93.410.809.896</u>	<u>75.135.968.241</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Ô tô Trường Hải	2.000.000.000	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.269.379.758	3.109.160.602
Cộng	<u>5.269.379.758</u>	<u>4.109.160.602</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long (là bên liên quan) vay với lãi suất 6,5%/năm, thời hạn vay 9 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>14.649.602.511</i>	<i>-</i>	<i>5.914.038.132</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex - Lợi nhuận được chia	12.893.044.177	-	4.157.479.798	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics – Lãi cho vay	1.756.558.334	-	1.756.558.334	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>30.925.671.078</i>	<i>-</i>	<i>26.196.186.264</i>	<i>-</i>
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	241.833.865	-	461.979.527	-
Các khoản chi hộ	14.746.928.387	-	13.413.035.757	-
Tạm ứng	15.936.908.826	-	12.321.170.980	-
Cộng	<u>45.575.273.589</u>	<u>-</u>	<u>32.110.224.396</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ thuê tài chính	2.042.949.000	-	3.176.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	156.560.140	-	293.738.740	-
Cộng	2.199.509.140	-	3.469.738.740	-

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Nam Tuấn	Trên 03 năm	177.100.000	177.100.000	Trên 03 năm	177.100.000	177.100.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại ABA	Trên 03 năm	254.669.073	254.669.073	Trên 03 năm	629.338.146	629.338.146
Các khách hàng khác	Trên 01 năm đến 03 năm	1.062.584.848	1.062.584.848	Trên 01 năm đến 03 năm	477.356.018	477.356.018
Cộng		1.494.353.921	1.494.353.921		1.283.794.164	1.283.794.164

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.141.809.964	-	3.767.920.177	-
Công cụ, dụng cụ	18.800.909	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.752.717.627	-	1.858.967.220	-
Cộng	5.913.328.500	-	5.626.887.397	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.071.180.190	3.737.973.108
Chi phí bảo hiểm	576.638.158	307.207.155
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	80.000.000	240.000.000
Cộng	3.727.818.348	4.285.180.263

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	6.677.784.671	8.174.253.229
Tiền thuê đất (*)	6.047.662.500	6.230.925.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	156.275.035	13.610.812
Cộng	12.881.722.206	14.418.789.041

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Trung tâm Logistics Transimex-Saigon tại Đà Nẵng đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	188.126.426.921	3.626.319.254	252.532.837.985	1.098.712.247	36.418.837.445	481.803.133.852
Mua trong kỳ	-	1.662.000.000	32.574.406.530	-	-	34.236.406.530
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	1.601.950.000	-	-	1.601.950.000
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	10.300.460.969	-	-	10.300.460.969
Phân loại lại Thanh lý, nhượng bán	-	(77.000.000)	77.000.000	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>188.126.426.921</u>	<u>5.211.319.254</u>	<u>289.944.006.436</u>	<u>1.098.712.247</u>	<u>36.418.837.445</u>	<u>520.799.302.303</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.734.293.470	-	57.190.307.370	552.720.587	17.715.280.351	96.192.601.778
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	79.878.105.524	1.410.330.701	131.617.502.548	741.048.800	24.468.489.809	238.115.477.382
Khấu hao trong kỳ	4.156.714.366	233.239.716	10.719.379.433	41.568.215	981.884.754	16.132.786.484
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	1.856.478.431	-	-	1.856.478.431
Phân loại lại Thanh lý, nhượng bán	-	(31.485.714)	31.485.714	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>84.034.819.890</u>	<u>1.612.084.703</u>	<u>137.082.197.078</u>	<u>782.617.015</u>	<u>25.450.374.563</u>	<u>248.962.093.249</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>108.248.321.397</u>	<u>2.215.988.553</u>	<u>120.915.335.437</u>	<u>357.663.447</u>	<u>11.950.347.636</u>	<u>243.687.656.470</u>
Số cuối kỳ	<u>104.091.607.031</u>	<u>3.599.234.551</u>	<u>152.861.809.358</u>	<u>316.095.232</u>	<u>10.968.462.882</u>	<u>271.837.209.054</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 107.668.162.825 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ryobi Holdings Co., Ltd (Xem thuyết minh số V.20b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	28.872.721.111	4.756.365.613	24.116.355.498
Khấu hao trong kỳ		1.171.932.153	
Giảm trong kỳ	(10.300.460.969)	(1.856.478.431)	
Số cuối kỳ	<u>18.572.260.142</u>	<u>4.071.819.335</u>	<u>14.500.440.807</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền trang web	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.500.000	8.457.825.024	8.490.325.024
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	32.500.000	8.457.825.024	8.490.325.024
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.500.000	1.095.895.000	1.128.395.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	32.500.000	5.445.201.544	5.477.701.544
Khấu hao trong kỳ	-	647.655.582	647.655.582
Số cuối kỳ	32.500.000	6.092.857.126	6.125.357.126
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	3.012.623.480	3.012.623.480
Số cuối kỳ	-	2.364.967.898	2.364.967.898
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Hệ thống kỹ	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	44.285.400.000	34.701.793.251	4.231.294.070	83.218.487.321
Số cuối kỳ	44.285.400.000	34.701.793.251	4.231.294.070	83.218.487.321
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.842.206.284	9.833.264.328	2.219.599.462	19.895.070.074
Khấu hao trong kỳ	691.959.378	867.544.830	195.844.692	1.755.348.900
Số cuối kỳ	8.534.165.662	10.700.809.158	2.415.444.154	21.650.418.974
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	36.443.193.716	24.868.528.923	2.011.694.608	63.323.417.247
Số cuối kỳ	35.751.234.338	24.000.984.093	1.815.849.916	61.568.068.347

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và hệ thống kỹ thuật tại đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Tất cả bất động sản đầu tư đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch (xem thuyết minh số V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	471.375.000	2.667.186.364	(1.601.950.000)	1.536.611.364
Công trình Trung tâm Logistics Transimex-Saigon tại Đà Nẵng	270.412.727	-	-	270.412.727
Cộng	741.787.727	2.667.186.364	(1.601.950.000)	1.807.024.091

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	15.598.342.012	18.469.121.249
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	9.482.635.172	12.359.760.162
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	443.231.976	143.531.087
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	5.611.333.568	5.550.100.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	1.650.000	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	4.775.668	-
Công ty TNHH Vận Tải Container Hải An	44.330.000	415.730.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	10.385.628	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	29.981.579.681	27.417.860.138
Công ty Cổ phần Unico Vina	-	2.449.096.100
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship	4.711.163.942	3.416.362.971
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.614.349.998	1.558.679.998
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	2.463.948.634	3.001.377.269
Các nhà cung cấp khác	20.192.117.107	16.992.343.800
Cộng	45.579.921.693	45.886.981.387

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	626.405.487	8.233.674.699	(6.628.954.691)	2.231.125.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.523.118.779	8.704.682.884	(20.162.099.698)	3.065.701.965
Thuế thu nhập cá nhân	866.444.815	1.239.982.498	(1.134.072.175)	972.355.138
Thuế nhà thầu	1.708.916.637	9.125.701.344	(9.518.335.085)	1.316.282.896
Thuế nhà đất	(7.450.659)	411.734.080	(386.837.628)	17.445.793
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	17.717.435.059	27.719.775.505	(37.834.299.277)	7.602.911.287

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất 0%
- Dịch vụ vận chuyển bốc xếp, dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.286.075.161	66.352.877.302
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	845.893.040	1.742.556.762
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	71.131.968.201	68.095.434.064
Thu nhập được miễn thuế	(27.608.553.779)	(14.965.196.459)
Thu nhập tính thuế	43.523.414.422	53.130.237.605
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.704.682.884	10.626.047.521

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả dịch vụ giao nhận	6.439.464.130	6.959.106.525
Chi phí lãi trái phiếu	3.282.650.309	14.002.970.936
Chi phí lãi vay	485.812.949	445.866.866
Cộng	10.207.927.388	21.407.944.327

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.169.734.138	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.349.701.085	2.936.601.536
Cổ tức phải trả	885.037.935	886.700.435
Lãi trái phiếu phải trả	3.143.574.600	3.143.804.025
Các khoản thu hộ phải trả	52.510.145.011	44.338.111.573
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	292.237.979	377.379.580
Cộng	<u>60.350.430.748</u>	<u>51.682.597.149</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	143.927.037.428	81.919.337.057
Vay ngắn hạn ngân hàng	54.890.817.376	53.489.284.324
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	13.175.817.376	53.489.284.324
Ngân hàng Shinhan Châu Âu ⁽ⁱⁱ⁾	41.715.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	22.896.187.662	22.141.193.361
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	2.769.218.465	5.135.745.447
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	63.370.813.925	1.153.113.925
Cộng	<u>148.927.037.428</u>	<u>86.919.337.057</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Shinhan Châu Âu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	53.489.284.324	5.000.000.000	22.141.193.361	5.135.745.447	1.153.113.925	86.919.337.057
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	113.798.600.371	-	-	-	-	113.798.600.371
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	3.706.666.666	1.384.609.229	72.284.300.000	77.375.575.895
Số tiền vay đã trả (112.397.067.319)	-	-	(2.951.672.365)	(3.751.136.211)	(10.066.600.000)	(129.166.475.895)
Số cuối kỳ	54.890.817.376	5.000.000.000	22.896.187.662	2.769.218.465	63.370.813.925	148.927.037.428

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	617.777.778	4.324.444.444
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh⁽ⁱ⁾</i>	617.777.778	4.324.444.444
Vay dài hạn Ryobi Holdings Co., Ltd. ⁽ⁱⁱ⁾	62.320.031.160	62.320.031.160
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.384.609.229
Trái phiếu thường dài hạn	333.235.900.000	436.350.400.000
<i>Trái phiếu phát hành ra công chúng⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	278.154.800.000	287.939.300.000
<i>Trái phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam^(iv)</i>	55.081.100.000	148.411.100.000
Cộng	396.173.708.938	504.379.484.833

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư dự án Trung tâm logistics Transimex tại Đà Nẵng với lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Thời hạn hoàn trả khoản vay theo 36 đợt hoàn trả số tiền bằng nhau vào hàng tháng bắt đầu sau hai năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (ngày 10 tháng 8 năm 2015). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... hình thành trong tương lai từ dự án này (xem thuyết minh số V.9b, V.10 và V.14).
- (ii) Khoản vay Ryobi Holdings Co., Ltd. (USD 4.000.000) để đầu tư xây dựng kho ngoại quan và dịch vụ hậu cần tại Khu công nghệ cao Quận 9 TP. Hồ Chí Minh (dự án của Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics) với lãi suất cho vay cố định trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và từ năm thứ hai trở đi lãi suất được điều chỉnh hàng năm. Thời hạn hoàn trả khoản vay là 07 năm được ân hạn trả nợ 02 năm và được hoàn trả số tiền bằng nhau mỗi năm một lần vào tháng 9 hàng năm (kỳ trả nợ đầu tiên vào tháng 9 năm 2017). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản và các thiết bị tại Trung tâm kho cảng ICD (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Trong năm 2018 Công ty đã phát hành 2.879.393 trái phiếu chuyển đổi không có bảo đảm với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,5%/năm với kỳ hạn là 02 năm kể từ ngày phát hành (ngày 13 tháng 6 năm 2018).

Do việc phát hành trái phiếu chuyển đổi nhưng không xác định được số lượng cổ phiếu có thể được chuyển đổi bởi giá chuyển đổi nên Công ty hạch toán và trình bày trái phiếu chuyển đổi này như trái phiếu thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000 VND, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư hoặc bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là quyền sở hữu tài sản trên đất tại 172 Hai Bà Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex; Lợi thế, quyền khai thác đất thuê trả tiền hàng năm tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00161/1a/QSDD/3426/UB; Cầm cố 30.181.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (xem thuyết minh số V.2b) và sà lan chở container (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	7.933.981.020	7.316.203.242	617.777.778	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	77.900.015.580	15.579.984.420	62.320.031.160	-
Nợ thuê tài chính	2.769.218.465	2.769.218.465	-	-
Trái phiếu thường	396.606.713.925	63.370.813.925	333.235.900.000	-
Cộng	485.209.928.990	89.036.220.052	396.173.708.938	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	10.885.653.385	6.561.208.940	4.324.444.444	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	77.900.015.580	15.579.984.420	62.320.031.160	-
Nợ thuê tài chính	6.520.354.676	5.135.745.447	1.384.609.229	-
Trái phiếu thường	437.503.513.925	1.153.113.925	436.350.400.000	-
Cộng	532.809.537.566	28.430.052.732	504.379.484.833	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	2.769.218.465	-	-	2.769.218.465
Lãi thuê phải trả	124.385.988	-	-	124.385.988
Nợ thuê tài chính phải trả	2.893.604.453	-	-	2.893.604.453
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	5.135.745.447	1.384.609.229	-	6.520.354.676
Lãi thuê phải trả	281.721.484	37.001.760	-	318.723.244
Nợ thuê tài chính phải trả	5.417.466.931	1.421.610.989	-	6.839.077.920

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn các tổ chức khác</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Trái phiếu thường</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	4.324.444.444	62.320.031.160	1.384.609.229	436.350.400.000	504.379.484.833
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	279.800.000	279.800.000
Số tiền vay đã trả	-	-	-	(31.110.000.000)	(31.110.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.706.666.666)	-	(1.384.609.229)	(72.284.300.000)	(77.375.575.895)
Số cuối kỳ	617.777.778	62.320.031.160	-	333.235.900.000	396.173.708.938

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Giảm do khấu hao	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.145.884.215	2.149.132.340	(1.276.300.000)	-	3.018.716.555
Quỹ phúc lợi	480.123.423	3.560.335.889	(3.160.487.675)	-	879.971.637
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	419.294.313	-	-	(76.235.334)	343.058.979
Quỹ thưởng HĐQT và Ban điều hành	1.672.279.006	5.759.760.105	(5.594.616.667)	-	1.837.422.444
Cộng	4.717.580.957	11.469.228.334	(10.031.404.342)	(76.235.334)	6.079.169.615

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

22b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.520.507	47.520.507
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.520.507	47.520.507
- Cổ phiếu phổ thông	47.520.507	47.520.507
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(11.619)	(11.619)
- Cổ phiếu phổ thông	(11.619)	(11.619)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.508.888	47.508.888
- Cổ phiếu phổ thông	47.508.888	47.508.888
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018-2019 số 01/NQ.ĐHCĐ-TMS ngày 27 tháng 4 năm 2019 như sau:

• Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	:	15.710.388.204
• Trích lập Quỹ khen thưởng	:	5.759.760.105
• Trích lập Quỹ phúc lợi	:	2.149.132.340
• Trích Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	:	3.260.135.889
• Thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ chủ chốt	:	300.200.000
Cộng		27.179.616.538

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	243.535.500	243.535.500
Trên 01 năm đến 05 năm	974.142.000	974.142.000
Trên 05 năm	5.236.013.250	5.357.781.000
Cộng	<u>6.453.690.750</u>	<u>6.575.458.500</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng cho 16.290 m² tại Đà Nẵng với giá thuê và phí sử dụng hạ tầng tối thiểu là 35.500 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn thuê đến ngày 08 tháng 8 năm 2054 tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2015.

23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	84.470,89	61.400,89
Dollar Hongkong (HKD)	2.500,00	2.500,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ giao nhận	126.966.046.585	99.895.530.524
Doanh thu dịch vụ kho vận, sà lan	127.427.522.458	111.649.609.033
Doanh thu hoạt động khác	10.172.184.900	8.116.171.667
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (*)	2.100.000.000	2.400.000.000
Cộng	<u>266.665.753.943</u>	<u>222.061.311.224</u>

(*) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	2.100.000.000	2.400.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1.792.848.900	1.792.848.900
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>307.151.100</u>	<u>607.151.100</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ giao nhận	113.885.699.052	86.392.778.397
Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan	86.822.170.230	80.401.056.078
Giá vốn hoạt động khác	5.078.649.630	4.369.663.724
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.792.848.900	1.792.848.900
Cộng	207.579.367.812	172.956.347.099

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.652.298.768	494.199.616
Lãi tiền cho vay	-	2.255.114.156
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.608.553.779	14.965.196.459
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	74.656.804	1.334.947.405
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn	10.088.524.404	18.240.527.855
Cộng	40.424.033.755	37.289.985.491

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.230.908.906	14.636.042.076
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	279.800.000	280.200.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	54.075.965	77.910.930
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	850.000.170
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư dài hạn	(1.208.441.947)	(8.112.255.316)
Chi phí tài chính khác	112.336.321	160.178.651
Cộng	16.468.679.245	7.892.076.511

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.416.264	206.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.244.725	4.887.083
Các chi phí khác	35.712.541	16.806.664
Cộng	42.373.530	21.900.401

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.499.629.610	6.672.142.697
Chi phí vật liệu quản lý	623.050.546	691.713.579
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.691.973	164.409.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	741.645.551	716.707.836
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.141.168.876	3.317.536.479
Các chi phí khác	855.694.919	857.532.382
Cộng	13.904.881.475	12.424.042.951

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.180.909.091	1.474.545.454
Các khoản thu nhập khác	1.037.574.949	187.366.121
Cộng	2.218.484.040	1.661.911.575

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	816.594.289
Các khoản chi phí khác	1.026.894.515	549.369.737
Cộng	1.026.894.515	1.365.964.026

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.051.331.970	16.210.173.096
Chi phí nhân công	45.942.476.597	36.597.024.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.631.487.785	18.399.960.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.317.160.410	111.274.939.440
Chi phí khác	2.584.166.055	2.920.193.505
Cộng	221.526.622.817	185.402.290.451

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Số dư các khoản phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	-	-
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	-	2.246.013.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.200.000.000	4.800.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	14.700.000.000	19.200.000.000
Trên 05 năm	92.400.000.000	105.600.000.000
Cộng	<u>111.300.000.000</u>	<u>129.600.000.000</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 2.903.403.996 VND (kỳ trước là 1.745.700.000 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Casco Investments Limited	Cổ đông nắm giữ trên 20% vốn điều lệ của Công ty
JWD Asia Holding Private Limited	Cổ đông nắm giữ trên 20% vốn điều lệ của Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty con
Công ty Cổ phần Vinafreight (VNF)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty con
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Mipéc	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Công ty có liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An		
Cung cấp dịch vụ	-	603.946.362
Cổ tức được chia	683.257.500	4.414.385.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.15, V.18, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh là logistics và cho thuê bất động sản đầu tư trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 01% tổng doanh thu).

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.709.694.570	-	-	91.709.694.570
Chứng khoán kinh doanh	14.084.851.462	-	19.559.289.622	33.644.141.084
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000
Phải thu khách hàng	91.916.455.975	1.494.353.921	-	93.410.809.896
Các khoản cho vay	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Các khoản phải thu khác	31.837.873.903	-	-	31.837.873.903
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.660.687.781	-	-	4.660.687.781
Cộng	283.209.563.691	1.494.353.921	19.559.289.622	304.263.207.234
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	186.508.589.991	-	-	186.508.589.991
Chứng khoán kinh doanh	14.157.195.816	-	19.526.504.518	33.683.700.334
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000	-	-	13.000.000.000
Phải thu khách hàng	73.852.174.077	1.283.794.164	-	75.135.968.241
Các khoản phải thu khác	23.258.792.156	-	-	23.258.792.156
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	33.176.723.877	-	-	33.176.723.877
Cộng	343.953.475.917	1.283.794.164	19.526.504.518	364.763.774.599

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 03 năm	1.062.584.848	477.356.018
Quá hạn trên 03 năm	431.769.073	806.438.146
Cộng	1.494.353.921	1.283.794.164

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	45.579.921.693	-	-	45.579.921.693
Vay và nợ	148.927.037.428	396.173.708.938	-	545.100.746.366
Các khoản phải trả khác	69.388.623.998	310.809.175	-	69.699.433.173
Cộng	263.895.583.119	396.484.518.113	-	660.380.101.232
Số đầu năm				
Phải trả người bán	45.886.981.387	-	-	45.886.981.387
Vay và nợ	86.919.337.056	504.379.484.833	-	591.298.821.889
Các khoản phải trả khác	73.090.541.476	310.809.175	-	73.401.350.651
Cộng	205.896.859.919	504.690.294.008	-	710.587.153.927

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có giao dịch vay tiền là ngoại tệ do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	JPY	HKD	USD	JPY	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.471	-	2.500	61.401	-	2.500
Phải trả người bán	(381.998)	(645.452)	-	(364.724)	(6.597.579)	-
Vay và nợ	(5.133.334)	-	-	(3.333.334)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(5.430.861)	(645.452)	2.500	(3.636.658)	(6.597.579)	2.500

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(19.475.817.376)	(5.133.334)	(79.954.922.129)	(3.333.334)
Nợ phải trả thuần	(19.475.817.376)	(5.133.334)	(79.954.922.129)	(3.333.334)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 43.201.472.800 VND (số đầu năm là 33.385.935.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.709.694.570	-	186.508.589.991	-
Chứng khoán kinh doanh	33.644.141.084	(1.268.920.822)	33.683.700.334	(2.917.304.518)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	93.410.809.896	-	75.135.968.241	-
Các khoản cho vay	7.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	31.837.873.903	-	23.258.792.156	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.660.687.781	-	33.176.723.877	-
Cộng	304.263.207.234	(1.268.920.822)	364.763.774.599	(2.917.304.518)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	45.579.921.693	45.886.981.387
Vay và nợ	545.100.746.366	591.298.821.889
Các khoản phải trả khác	69.699.433.173	73.401.350.651
Cộng	660.380.101.232	710.587.153.927

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Trong tháng 7 năm 2019 Công ty hoàn tất chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đợt 1 (của đợt phát hành 2.879.393 trái phiếu trong năm 2018). Kết quả chuyển đổi như sau:

- Số lượng trái phiếu đã chuyển đổi đợt 1	:	1.338.997 trái phiếu
- Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi (theo mệnh giá)	:	133.899.700.000 VND
- Tỷ lệ chuyển đổi đợt 1	:	1:5
- Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi	:	6.694.985 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã được chuyển đổi (theo mệnh giá)	:	66.949.850.000 VND

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2019

Phạm Xuân Quang
Người lập biểu

Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	345.643.420.000	210.148.055.653	(107.189.900)	82.678.040.807	275.439.184.204	913.801.510.764
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	86.376.560.000	-	-	-	(86.376.560.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	55.726.829.781	55.726.829.781
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.138.391.792	(10.217.587.080)	(2.079.195.288)
Số dư cuối kỳ trước	432.019.980.000	210.148.055.653	(107.189.900)	90.816.432.599	234.571.866.905	967.449.145.257
Số dư đầu năm nay	475.205.070.000	210.148.055.653	(107.189.900)	90.816.432.599	175.610.299.987	951.672.668.339
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	61.581.392.277	61.581.392.277
Trích lập các quỹ	-	-	-	15.710.388.204	(27.179.616.538)	(11.469.228.334)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	475.205.070.000	210.148.055.653	(107.189.900)	106.526.820.803	210.012.075.726	1.001.784.832.282

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2019


Phạm Xuân Quang
Người lập


Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng


Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: 358 / KT_TMS/2019

Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh
quý 02 năm 2019 của Công ty mẹ
trước và sau kiểm toán

TP.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Kính gửi : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Transimex (mã CK : TMS) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ quý 02 năm 2019 trước và sau kiểm toán như sau :

**Bảng so sánh kết quả hoạt động kinh doanh
Quý 02 năm 2019 trước và sau kiểm toán**

ĐVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	266,665,753,943	266,665,753,943	-	0.00%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15,140,832,185	8,704,682,884	(6,436,149,301)	-73.94%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56,022,847,466	61,581,392,277	5,558,544,811	9.03%

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ quý 02 năm 2019 sau kiểm toán số tiền là 61,581,392,277 đồng (tăng tương ứng 9.03%) so với lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán. Nguyên nhân chủ yếu là do điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Trân trọng cảm ơn.

Công ty Cổ phần Transimex
Tổng giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRANSIMEX
Lê Duy Hiệp

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu P.KTTC, P.HCNS